

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 359
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 359

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 359 INVESTMENT DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108060942

3. Ngày thành lập: 21/11/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1/15, ngõ 299 đường Hoàng Mai, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
2.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
3.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
4.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
5.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
6.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
7.	Xây dựng nhà các loại	4100
8.	Xây dựng công trình công ích	4220
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
10.	Bán mô tô, xe máy	4541
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
14.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
15.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
16.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;	4719
17.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
18.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
19.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
20.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

21.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
22.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
23.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
24.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Chi tiết: Kinh doanh và cho thuê bất động sản	6810(Chính)
25.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
26.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;	7730
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
28.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
29.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
30.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
31.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
32.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
33.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
34.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
35.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
36.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
37.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
38.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
39.	Lập trình máy vi tính	6201
40.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
41.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
42.	Sản xuất rượu vang	1102
43.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
44.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
45.	Khai thác gỗ	0221
46.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
47.	Bán buôn đồ uống	4633
48.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

49.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
50.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại	6329
51.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
52.	Cho thuê xe có động cơ	7710
53.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
54.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
55.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
56.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
57.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
59.	Phá dỡ	4311
60.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
61.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
62.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
63.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
64.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
65.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
66.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
67.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
68.	Thu nhập sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
69.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
70.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
71.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
72.	Sản xuất đường	1072
73.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
74.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
75.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
76.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
77.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
78.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030

79.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
80.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
81.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Sản xuất điện	3510
82.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
83.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
84.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
85.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
86.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
87.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
88.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGỌC	307-A4 TT TCKT Xã Đàn 2, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	45,000	001183018403	
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	45,000		
2	PHAN HỒNG ANH	11-H14, Tập thể ĐHSP, tổ 22, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	45,000	013043948	
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	45,000		

3	LÊ THỊ LINH	Số 17 Quốc Tử Giám, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	012259988	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/05/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012259988

Ngày cấp: 09/03/2009

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 17 Quốc Tử Giám, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 17 Quốc Tử Giám, Phường Văn Chương, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội